TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quản

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn*** *tham gia phiên tòa*:

Bà: Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hỏa Thị H - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã Nga P (xóm 1, xã Nga N cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đào Ngọc T - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn 6 (xóm 6 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hỏa Ngọc N - Sinh năm 1962 (có mặt);
- Bà Hồ Thị G - Sinh năm 1960 (có mặt);
- Anh Hỏa Khắc H - Sinh năm 1990

* *Người được anh H ủy quyền:* Ông Hỏa Ngọc N - Sinh năm 1962 (có mặt); (*Giấy ủy quyền ngày 18 tháng 3 năm 2020)*

Đều cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Nga P (xóm 1, xã Nga N cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người làm chứng:

- Bà Mai Thị H - Sinh năm 1971; Chủ cửa hàng điện tử HS;

Địa chỉ: SN 59, tiểu khu BĐ, thị trấn NS, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bà Mai Thị T - Sinh năm 1979; Chủ cửa hàng đồ gỗ nội thất TS;

Địa chỉ: Tiểu khu YH 1, thị trấn NS, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bà Mai Thị B - Sinh năm 1979; Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng BT;

Địa chỉ: Tiểu khu YH 2, thị trấn NS, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Mai Trọng Đ - SN: 1984; Chủ thầu xây dựng;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nga P (xã Nga N cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Mai Thế L - SN: 1962 Chủ cửa hàng cơ khí LL;

Địa chỉ: thôn 2, xã Nga P (xóm 6, xã Nga N cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Mã Văn L - SN:1954; Chủ cửa hàng vật liệu LL;

Địa chỉ: Thôn 1, PP, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Mã Văn V - SN: 1979; Chủ cửa hàng nội thất xây dựng VH;

Địa chỉ: Thôn 1, PP, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/3/2019, bản tự khai và các đơn đề nghị nguyên đơn chị Hỏa Thị H trình bày: chị và anh Đào Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 08/3/2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga N cấp đăng ký kết hôn.Trước khi xây dựng cuộc sống chung cùng anh T, chị và anh cũng đã từng có gia đình và có con riêng nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ xóm 6 (Thôn 6) xã Nga T. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau, do nhà của gia đình chồng xuống cấp, chị đã vay mượn tiền bố mẹ, em trai để xây dựng, sửa sang nhà cửa, mua sắm xe ôtô và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Do anh T sống không quan tâm đến chị và con riêng của chị, suốt ngày tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, ỷ lại cho chị phải lo kinh tế. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên từ tháng 9/2018 chị đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở xã Nga P (xã Nga N cũ) sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị đề nghị Tòa giải quyết ly hôn anh T theo quy định; về con chung: vợ chồng chưa có con chung nên chị không có yêu cầu; về tài sản chung: vợ chồng tạo lập được những tài sản sau:

* Về đất ở: không có

* Về tài sản tạo lập trên đất của bố anh T (thôn 6, xã Nga T), gồm có:

- Sửa nhà cũ và xây dựng công trình (năm 2016), gồm:

+ Sửa nhà mái bằng hướng Bắc: dài 6m, rộng 4m, cao 3,5m; Nhà ngói 3gian hướng Bắc: dài 8m, rộng 4m, cao 3,5m, gồm: đục, trát tường, sơn tường; Đóng trần phòng ngủ 15m^2: dài 3,95m; rộng 4,8m; Đóng trần tôn phòng ăn 19m^2: dài 3,95m, rộng 4,8m; Tổng giá trị: 40.000.000đ;

+ Tôn ngõ cao so với cũ là 110cm, dài 8m, rộng 2,5m; nền lát gạch đỏ 40x40 (Hạ Long); giá trị là 10.000.000đ;

+ Cửa cổng sắt 2 cánh: rộng 2,5m, cao 2,8m. Cửa sắt nhà mái bằng 2 bộ. Tổng giá trị là 15.000.000đ;

+ Xây bể hòn non bộ: sâu 1,5m; dài 3,5m; rộng 1,8m; giá trị là 6.680.000đ.

+ Xây bể nước mưa: cao 1,5m, dài 2m, rộng 1,6m; giá trị 5.700.000đ;

+ Làm cửa nhôm kính: 4 cái, cao 2m, rộng 80cm; giá trị 8.000.000đ;

+ Xây tường (hướng Đông) giáp nhà anh chồng + lan can: cao 3,5m, dài 17m; Tổng giá trị là 14.620.000đ;

+ Tôn sân cao hơn so với nền cũ 90cm + lát gạch đỏ: dài 20m, rộng 12m; giá trị 40.000.000đ;

+ Kè ao: 3 mặt (mặt giáp vườn, mặt giáp ao hàng xóm, mặt giáp vườn và nhà anh trai chồng): dài 23m, rộng 15m, sâu 3m; giá trị 20.000.000đ

+ Xây mới nhà tắm + thiết bị; giá trị 25.000.000đ.

+ Xây mới nhà bếp + thiết bị; giá trị 15.000.000đ.

- Xây dựng các công trình (năm 2018), gồm:

Xây dựng 01 nhà ngói 5 gian, lợp ngói bò (hướng Đông); dài 15,6m, rộng 6,4m, cao 5,8m; Tôn, sắt hộp,ống sắt,trần xốp, sơn; Gạch lát, gạch ốp, gạch chân tường, sơn, thiết bị lắp nhà tắm;Ván gỗ làm giá trần; Công thợ (chưa tính công của ông bà ngoại giúp); Các vật liệu phụ kèm (có hóa đơn cụ thể); Cửa gỗ 3 bộ, gỗ dỗi: 02 bộ cửa 2 cánh (rộng 60cm, cao 2m) x 2= 2,4m^2 x 2; 01 bộ cửa 1 cánh (rộng 80cm, cao 2m)= 1,6m^2; Tổng giá trị xây dựng 211.570.000đ, nhưng chị yêu cầu giải quyết là 200.000.000đ;

***** Tài sản dùng cho sinh hoạt trong gia đình, gồm:

- Bộ bàn ăn (01 bàn tròn, 06 ghế), mua năm 2016, loại gỗ xoan đào; giá trị 5.500.000đ;

- Tủ quần áo mua năm 2016, loại gỗ ép công nghiệp 02 cánh; giá trị 1.100.000đ;

- Bàn làm việc mua năm 2016, gỗ ép; giá trị 900.000đ;

- Bàn trang điểm + ghế, gỗ xoan đào mua năm 2016; giá trị 1.500.000đ;

- 01 Tivi 42ich, nhãn hiệu LG, năm mua 2016; giá trị 7.000.000đ;

- 01 bộ Loa, đài karaoke, nhãn hiệu Caliponia, năm mua 2016; giá trị 5.000.000đ;

- 01 bộ bàn ghế tiếp khách (01 bàn tròn, 02 ghế dài); gỗ xăng lẻ, năm mua 2016; giá trị 15.000.000đ;

- 01 tủ để rượu, năm mua 2016; giá trị 2.000.000đ;

- 01 đồng hồ gỗ bằng gỗ dỗi, năm mua 2017; giá trị 5.000.000đ;

- Tivi 32inch, nhãn hiệu LG, năm mua 2018; giá trị 4.500.000đ;

- 01 Giường gỗ xoan đào: dài 1,9m; rộng 1,6m; 01 bộ ga, đệm (hãng Havico, Hàn Quốc), năm mua 2018; giá trị 15.000.000đ;

Toàn bộ tài sản trên, anh Tuyển đang quản lý và sử dụng.

- 01 Ôtô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10 đăng ký mang tên Đào Ngọc T, mua tháng 10 năm 2017, trị giá 480.000.000đ, hiện tại chị đang quản lý, sử dụng.

Tổng giá trị tài sản chung là: 942.500.000đ (*Chín trăm bốn hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

* Ngoài ra, tài sản sinh hoạt của chị và anh T còn có các tài sản:

Lò vi sóng mua năm 2016, giá trị: 2.000.000đ; Máy điều hòa LG, mua năm 2017; giá trị 8.000.000đ; Máy giặt Electrolux, mua năm 2017; giá trị 8.000.000đ; Tủ

bếp 5 ngăn, mua năm 2016; giá trị 3.500.000đ; Kệ ti vi, mua năm 2016; giá trị 1.000.000đ.Tổng giá trị là 22.500.000đ, hiện tại các tài sản này anh T đang quản lý, sử dụng. Do trong đơn khởi kiện chị không yêu cầu nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Về nợ: Tổng nợ chung là 550.000.000đ, gồm:

- Nợ của anh Hỏa Khắc H: Từ năm 2016 đến tháng 8/2018 vợ chồng vay anh Hỏa Khắc H (em trai chị) tổng số tiền là 408.082.533đ, cụ thể:

Trước thời điểm mua xe vợ chồng vay anh H. Anh H chuyển tiền vào tài khoản của chị như sau: tháng 10/2016 là 6.188.472đ; tháng 11/2016 là 45.343.120đ; tháng 1/2017 là 26.734.982đ; tháng 3/2017 là 40.581.607đ; tháng 6/2017 là 20.914.756đ; tháng 8/2017 là 20.212.888đ; tháng 9/2017 là 20.310.979đ; tháng 10/2017 là 20.074.153đ. Tổng cộng là 200.360.957đ.

Sau khi mua xe, vợ chồng vay của anh H để trả nợ các khoản vay từ bạn bè, người quen để đủ số tiền vay mua xe vào tháng 10/2017, gồm: tháng 12/2017 là 40.500.809đ; tháng 4/2018 là 100.61.268đ; tháng 7/2018 là 20.113.338đ; tháng 8/2018 là 46.492.160đ. Tổng cộng là 207.721.575đ.

Tổng số tiền anh H chuyển là 408.082.532đ, nhưng anh H chỉ yêu cầu vợ chồng chị trả nợ 400.000.000đ, có sao kê chi tiết của Ngân hàng;

- Nợ của ông Hỏa Ngọc N và bà Hồ Thị G: Tháng 02/2018, ông Hỏa Ngọc N và bà Hồ Thị G (bố mẹ đẻ chị) đã cho vợ chồng chị vay 150.000.000đ để thanh toán tiền mua vật liệu xây nhà 05 gian. Số tiền mua vật liệu xây dựng tại 3 cửa hàng, gồm: nhà VH, thôn 1, xã Nga T là 38.049.000đ; vật liệu nhà LL, thôn 1, xã Nga T là 84.415.000đ; mua vật liệu xây dựng nhà LL, thôn 2, xã Nga P là 57.554.000đ. Tổng tiền mua vật liệu là 180.018.000đ (có hóa đơn mua bán vật liệu xây dựng cụ thể).

Về tài sản chung và công nợ, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đồng thời chị cung cấp các tài liệu, hình ảnh để chứng minh các tài sản vợ chồng chị đã xây dựng trên đất của bố anh T tại thôn 6, xã Nga T là đúng sự thực. Ngoài những hóa đơn mua bán vật liệu xây dựng và giấy xác nhận của các chủ cửa hàng kinh doanh vật liệu, chị có đơn đề nghị đưa các chủ cửa hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án để làm rõ yêu cầu của chị.

* Tại các đơn đề nghị, bản tự khai ngày 12/6/2020, biên bản hòa giải bị đơn anh Đào Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị H kết hôn năm 2016. Sau khi cưới, vợ chồng anh được các anh chị em cho ở nhờ trên đất và nhà thuộc quyền sở hữu của bố mẹ đẻ ông Đào Ngọc C là nhà thờ của gia đình. Tháng 9/2018, chị H bỏ nhà đi ở chỗ nào anh không biết. Từ khi chị H bỏ đi anh chị em của anh không cho anh ở khu nhà đất của bố mẹ nữa. Nay chị H đòi ly hôn và chia tài sản, anh không đồng ý vì anh vẫn yêu thương vợ, mong muốn chị H về đoàn tụ. Anh đề nghị Tòa án không được gửi văn bản gì cho anh làm ảnh hưởng đến danh dự, làm mất nhân phẩm và công việc của anh. Nếu chị H và Tòa án cố tình cưỡng ép ly hôn đối với anh thì phải bồi thường danh dự, nhân phẩm theo đúng luật hôn nhân gia đình; Về con: vợ chồng chưa có con chung; về tài sản chung: vợ chồng anh chỉ có một số đồ dùng sinh hoạt như bàn ăn, tủ đựng quần áo, ti vi, tủ đựng rượu, bàn ghế uống nước, loa, âm li, đồng hồ, giường, ga, đệm, màn. Những tài sản này do anh không có nhà ở nên quá trình bảo quản không tốt, tài sản bị

hư hỏng, anh đã bán sắt vụn được 1.000.000đ. Ngoài ra, anh có 01 xe ô tô Hyundai i101.2AT,BKS 36A-280.10 đăng ký tên Đào Ngọc T, chị H đang quản lý, sử dụng. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về nhà, đất anh không đồng ý như chị H đang yêu cầu; Về công nợ và vay mượn tiền của ông N, bà G, anh H thì anh không đồng ý như nội dung chị H yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại bản tự khai ngày 07/01/2020, đơn đề nghị, biên bản hòa giải ông Hỏa Ngọc N và bà Hồ Thị G đều có ý kiến trình bày: Chị H và anh T đến với nhau là tự nguyện vào năm 2016. Hai bên đều đã từng có cuộc sống riêng và đã ly hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Trong thời gian này, chị H và anh T có xây dựng, sửa chữa, cải tạo một số công trình trên đất như chị H đang yêu cầu là đúng. Vợ chồng ông, bà đã bỏ công sức ra giúp chị H, anh T, cụ thể: lần 1, từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 để sửa chữa, cải tạo nhà thờ, xây dựng mới nhà tắm, nhà bếp, kè ao; lần 2 từ tháng 02/2018 đến tháng 5/2018 để xây nhà ngói 05 gian, thay cửa nhà thờ. Đối với công trình xây dựng năm 2018 vào tháng 02, vợ chồng ông, bà có cho chị H, anh T vay số tiền là 150.000.000đ để mua vật liệu xây dựng nhà mới 5 gian bằng cách ông bà trả tiền vật liệu, (có hóa đơn mua bán). Quá trình chung sống chị H và anh T sống không hạnh phúc. Từ tháng 9/2018, chị H trở về nhà sinh sống cùng ông bà. Chị H đang đề nghị giải quyết ly hôn anh T, ông N và bà G đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H, anh T có nghĩa vụ trả lại số tiền ông bà bỏ ra thanh toán tiền vật liệu xây dựng năm 2018 cho anh chị.

- Tại bản tự khai, đơn đề nghị anh Hỏa Khắc H trình bày: Từ tháng 10/2016 đến tháng 8/2018, anh ở bên Nhật Bản. Do chị H và anh T cần vay tiền để mua ô tô nên đã gọi điện hỏi vay anh. Anh đồng ý và đã nhiều lần chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng Vietcom bank vào số tài khoản 0781000389905 của chị Hỏa Thị H (chị gái). Cụ thể các lần chuyển tiền như sau (có sao kê kèm theo): Ngày 18/10/2016 là 6.188.472đ; ngày 15/11/2016 là 45.343.120đ; ngày 12/01/2017 là 26.734.982đ; ngày 14/3/2017 là 40.581.607đ; ngày 12/6/2017 là 20.914.756đ; ngày 10/8/2017 là 20.212.888đ; ngày 11/9/2017 là 20.310.979đ; ngày 11/10/2017 là 20.074.153đ; ngày 12/12/2017 là 40.500.809đ; ngày 11/4/2018 là 100.615.268đ; ngày 12/7/2018 là 20.113.338đ; ngày 13/8/2018 là 46.492.160đ.Tổng số tiền là 408.082.532đ (*Bốn trăm linh tám triệu không trăm tám hai nghìn năm trăm ba hai đồng*). Nay chị H và anh T không chung sống cùng nhau và đang đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Anh yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh T có nghĩa vụ trả nợ cho anh với số tiền 400.000.000đ.

* Ý kiến những người làm chứng:

- Tại bản tự khai ngày 22/9/2020, giấy xác nhận bà H trình bày: Bà là chủ cửa hàng điện tử điện lạnh HS. Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, chị H đã đến mua tại cửa hàng, gồm: lò vi sóng; loa, âm li; điều hòa; máy giặt Elechtrolux; ti vi LG 32inch và ti vi LG 42inch. Tổng tiền chị H thanh toán là 34.500.000đ (đều có hóa đơn mua hàng cụ thể). Chị H là người trực tiếp thanh toán tiền và cửa hàng có trách nhiệm chở hàng đến địa chỉ Thôn 6, xã Nga T. Bà cam đoan việc mua bán là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai, giấy xác nhận bà T trình bày: Bà là chủ cửa hàng nội thất TS. Từ năm 2016 đến 2018, chị H có đặt và mua một số nội thất tại cửa hàng như sau:

Bàn làm việc (gỗ công nghiệp); kệ ti vi (gỗ thông); tủ quần áo (gỗ công nghiệp); Bàn trang điểm (gỗ xoan đào); Bàn ghế ăn (gỗ xoan đào); Tủ rượu; tủ bếp 5 ngăn; bộ bàn ghế tiếp khách (gỗ xăng lẻ); đồng hồ (gỗ dỗi); giường; đặt mua ga, gối đệm.Tổng tiền chị H thanh toán là 50.500.000đ (đều có hóa đơn mua hàng). Chị H là người trực tiếp thanh toán tiền và cửa hàng có trách nhiệm chở các mặt hàng chị H mua về địa chỉ tại Thôn 6, xã Nga T. Bà cam đoan việc mua bán là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai, giấy xác nhận bà B trình bày: Bà là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng BT. Từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016, chị H đến mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng, gồm: sơn, cát,cửa sắt, cửa nhôm, gạch đỏ, xi măng, đất nền, tôn trần nhà, đá, sắt, gạch xỉ, thiết bị vệ sinh. Tổng tiền chị H thanh toán là 200.000.000đ (gồm 25 hóa đơn mua hàng). Chị H là người trực tiếp thanh toán tiền mua hàng. Cửa hàng đều chở vật liệu và thiết bị xây dựng về địa chỉ tại Thôn 6, xã Nga T và giao hóa đơn mua hàng cho chị H. Bà cam đoan việc mua bán tại cửa hàng là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai ông L trình bày: Ông là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng LL. Từ tháng 02 đến tháng 05/2018, ông đã bán vật liệu xây dựng cho ông N, bà G với số tiền là 69.056.000đ. Các vật liệu đều chở đến nhà chị H, anh T tại Thôn 6, xã Nga T. Mỗi lần giao vật liệu đều có hóa đơn, trong đó một số hóa đơn đã được thanh toán trước nên số tiền còn lại ông N thanh toán cho ông là 57.554.000đ. Ông cam đoan việc mua bán là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai ông L trình bày: Ông là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng LL. Từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018 ông bán cho ông Hỏa Ngọc N vật liệu xây dựng gồm, xi măng, cát, gạch. Ông N mua và trực tiếp thanh toán tiền, số vật liệu mua ban đầu là 91.495.000đ. Sau đó, một số vật liệu trả lại nên số tiền chốt lại là 84.415.000đ, ông N là người trực tiếp thanh toán đủ số tiền trên. Sau đó, cửa hàng đã chở các vật liệu ông N mua đến nhà anh T, chị H tại thôn 6, xã Nga T. Ông cam đoan việc mua bán là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai ông Đ trình bày: Tháng 2/2018, ông có nhận công trình đào móng nhà ngói 05 gian của nhà anh T, chị H. Khi tiến hành công trình thì hiện trạng tài sản trước đó tồn tại, gồm: giếng, bể nước mưa (cũ). Ông nhận công trình làm móng nhà 05 gian trong thời gian 15 ngày với số tiền 6.000.000đ. Chị H đã thanh toán đủ số tiền trên. Sau khi hoàn thiện xong móng nhà, ông bàn giao công trình để thợ khác xây dựng. Ông cam đoan việc xây dựng là hoàn toàn đúng sự thật.

- Tại bản tự khai ông V trình bày: Ông là chủ cửa hàng nội thất xây dựng. Năm 2018, ông Hỏa Ngọc N mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng ông gồm: gạch lát nền, gạch ốp chân tường, thiết bị vệ sinh. Tổng cộng số tiền mua vật liệu là 38.049.000đ. Tất cả các lần mua vật liệu đều có hóa đơn viết tay cho ông N. Tuy ông N quê ở xã Nga N, nhưng vật liệu đều chở đến thôn 6, xã Nga T (nhà anh T, chị H). Ông N là người trực tiếp thanh toán đủ số tiền cho ông. Ông cam đoan việc bán vật liệu xây dựng là hoàn toàn đúng sự thật.

* Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu về ly hôn, chia tài sản chung và công nợ theo quy định. Kèm theo các yêu cầu là những tài liệu như hóa đơn, giấy xác nhận, đơn đề nghị, các bản ảnh khuôn viên nhà ở. Anh T không đồng ý với các yêu cầu của chị H và không đồng ý định giá tài sản, về nợ: anh T trình bày không vay, nợ ai, anh không liên quan đến ông N, bà G, anh H.Tài sản xây dựng

trên đất không phải do anh và chị H tạo lập, mà do bố mẹ anh để lại; tài sản sinh hoạt anh mua tự do trên thị trường, xe ô tô là của anh do nguồn tiền tích góp và vẽ tranh.

Để chứng minh các yêu cầu của đương sự là có căn cứ, Tòa án ra các Thông báo yêu cầu anh Tuyển cung cấp các giấy tờ, hóa đơn liên quan đến việc mua bán tài sản sinh hoạt; về yêu cầu đưa tư cách các thành viên trong gia đình vào tham gia tố tụng; về tài sản xây dựng trên đất ai mua, xây dựng năm nào, có sự đóng góp của các thành viên trong gia đình hay không; về nguồn tài chính mua sắm xe ô tô; về yêu cầu anh có đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá định giá lại tài sản không. Hết thời hạn yêu cầu cung cấp, anh T không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh không chấp nhận yêu cầu của chị H.

* Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Tuyển vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tuy nhiên, anh T có đơn đề nghị gửi Tòa án với lý do anh không đồng ý ly hôn, Tòa án phải cho anh biết lý do chị H xin ly hôn anh. Tòa án ra Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 3.Tại phiên họp và phiên hòa giải ngày 23/12/2020, có mặt các bên đương sự.

- Những nội dung các đương sự thống nhất: Về con: hai bên đương sự thống nhất không có con chung nên không yêu cầu; về tài sản: hai bên thống nhất tài sản sinh hoạt gồm những tài sản như chị H đang đề nghị, nhưng các tài sản sinh hoạt không còn vì bị hư hỏng, anh T đã bán với giá là 1.000.000đ. Ngoài ra, hai bên thống nhất có 01 ô tô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10, màu sơn đỏ, hiện chị H đang quản lý sử dụng.

- Những nội dung các đương sự không thống nhất: Về hôn nhân: chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T; anh T không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ; về tài sản: các tài sản được xây dựng và sửa chữa nằm trên diện tích đất của ông Đào Ngọc C như chị H đang yêu cầu, anh T không đồng ý với lý do không có nhà, đất; về nợ: chị H yêu cầu xem xét số nợ của anh H và ông N, bà G với tổng số tiền là 550.000.000đ, anh T không đồng ý vì anh không vay và không nợ của ai.

Do các đương sự không thống nhất về các tài sản chung, chị Hỏa Thị H yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản, gồm: Tài sản chị đang quản lý, sử dụng là 01 ô tô, giá trị 480.000.000đ; tài sản anh T đang quản lý, sử dụng, gồm: Toàn bộ công trình sửa chữa vào năm 2016 và xây dựng mới vào năm 2018; toàn bộ tài sản sinh hoạt với tổng giá trị tài sản là 462.500.000đ.

Ngày 13/5/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của chị H và anh T theo quy định.

- Đối với tài sản anh T đang quản lý sử dụng (như nội dung đơn đề nghị của chị H): do anh T không có mặt nên Tòa án đã lập biên bản làm việc về việc vắng mặt anh T và lập biên bản về việc không tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được.

- Tài sản chị H đang quản lý, sử dụng là: 01 Ôtô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10 đăng ký mang tên Đào Ngọc T. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá

tài sản như sau: 01 Ôtô Hyundai i101.2 At, BKS 36A 28010, màu sơn đỏ, số km sử dụng là 24.971km, số tự động có giá trị theo giá thị trường là 300.000.000đ

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của chị H và anh T là 01 ô tô. Ngày 14/5/2020,Tòa án đã giao thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh Đào Ngọc T theo quy định. Ngày 15/5/2020, anh T có đơn đề nghị với nội dung anh không vắng mặt như thông báo, anh vẫn có mặt ở xóm 6, Nga T. Đồng thời anh vẫn giữ nguyên nội dung về việc yêu thương chị H, không đồng ý ly hôn và không đồng ý với kết quả Tòa án đã định giá đối với xe ô tô mang tên anh. Anh đề nghị Tòa án không được gửi giấy tờ gì làm ảnh hưởng danh dự, gia phong, làm mất nhân phẩm, ảnh hưởng công việc của anh.

* Ngày 19/5/2020, chị H có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lần 2 đối với tài sản chung anh T đang quản lý, sử dụng.

Ngày 23/6/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản lần 2 theo đơn đề nghị của chị H. Tại buổi làm việc, anh T không cho Tòa án và các thành viên Hội đồng định giá đến làm việc tại nhà anh ở thôn 6, xã Nga T. Lý do sau khi chị H bỏ nhà đi thì các anh chị em trong gia đình không cho anh ở nhà, đất của bố mẹ nữa. Anh không có tài sản nhà, đất như chị H đang yêu cầu. Tòa án đã lập biên bản về việc bị đơn không cho đoàn tiếp cận tài sản tại nhà anh ở thôn 6, xã Nga T. Đồng thời tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản theo đơn yêu cầu của chị H tại UBND xã Nga T, có sự tham gia đầy đủ của các đương sự. Tại biên bản định giá ngày 23/6/2020, Hội đồng định giá định giá các tài sản anh T đang quản lý, sử dụng theo đơn yêu cầu của chị H với tổng giá trị 462.500.000đ.

Tại văn bản số 01/HĐĐGTS, ngày 25/6/2020, các thành viên Hội đồng định giá tài sản đề nghị "Hủy kết quả định giá tài sản ngày 23/6/2020" với lý do: Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản theo đơn đề nghị, miêu tả và hình ảnh mà chị H cung cấp.Việc định giá từ xa là thiếu chính xác, kết quả định giá không đúng với giá trị thực tế của tài sản. Vì vậy, Hội đồng định giá thống nhất đề nghị hủy kết quả đã định giá.

Để xác định địa chỉ sinh sống hiện tại của anh Đào Ngọc T cũng như xác định về nguồn gốc đất và các tài sản hình thành trên đất như nguyên đơn đang đề nghị. Tòa án ra quyết định yêu cầu UBND xã Nga T, UBND huyện Nga Sơn cung cấp tài liệu, chứng cứ.Tại công văn số 03/CV-UBND ngày 04/6/2020, Ủy ban nhân dân xã Nga T có ý kiến như sau: về đất: Thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02 BĐ-299TTg xã Nga T, nay thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 15 (BĐ-ĐC xã Nga T) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đào Ngọc C. Tài sản trên đất khi ông C còn sống đã xây dựng 01 nhà mái bằng hướng Nam; 02 nhà cấp 4. Quá trình gia đình sửa chữa, chỉnh trang lại địa phương không biết được thông tin gì. Về hộ khẩu thì chị H sau khi kết hôn với anh T năm 2016 thì chị chưa chuyển khẩu về xã Nga T. Đối với anh T hộ khẩu thường trú là ở thôn 6, xã Nga T, huyện Nga Sơn. Tại văn bản số 2152/UBND-TNMT, ngày 29/12/2020, UBND huyện Nga Sơn đã trả lời các nội dung sau: thửa đất số 184, tờ bản đồ số 15 (BĐ-ĐC xã Nga T năm 2003) được hợp bởi 2 thửa, gồm: thửa 468 và thửa 474 bản đồ 299TTg xã Nga T; thửa 474 bản đồ 299TTg mang tên Đào Ngọc T. Theo bản đồ địa chính xã Nga T thửa đất số 184, tờ bản đồ số

15 (BĐ-ĐC xã Nga T năm 2003), diện tích 1.740m^{2,} mang tên Đào Ngọc C. Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: tại tờ trình số 02/TTr-TNMT ngày 15/9/2010, toàn bộ hồ sơ cất giữ tại kho của UBND huyện đã bị ngấm nước mục nát nên không còn hồ sơ để cung cấp cho Tòa án theo quy định.

* Ngày 13/11/2020, Tòa án tiến hành xác minh nhân khẩu của gia đình anh T tại UBND xã Nga T theo đơn yêu cầu của chị H. Theo hồ sơ quản lý nhân khẩu của địa phương từ năm 2005 trở về trước không còn lưu. Từ năm 2005, tại sổ đăng ký hộ khẩu của Công an xã Nga T, quyển sổ 01, tờ số 100 thì hộ khẩu nhà ông Đào Ngọc C (bố đẻ anh T) gồm có 02 khẩu là ông C (chủ hộ) và anh Đào Ngọc T. Ngày 20/12/2005, anh T tách khẩu gồm 04 thành viên là Đào Ngọc T, Dương Thị M, Đào Ngọc Thiện T, Đào Quang M (tờ số 253), nhưng vẫn ở cùng địa chỉ của ông Đào Ngọc C; ngày 26/7/2011, chị M và cháu M chuyển khẩu về thị trấn Nga Sơn, còn anh T và cháu T vẫn ở hộ khẩu cũ. Anh T và chị H kết hôn và chung sống cùng nhau nhưng chị H chưa chuyển khẩu về xã Nga T nên theo sổ sách quản lý nhân khẩu chưa thể hiện. Ngoài ra, không thể hiện còn thành viên nào cùng sinh sống với ông Đào Ngọc C trên diện tích đất tại thôn 6, xã Nga T. Đối với các thành viên khác của gia đình ông C thì tại tờ số 03, quyển sổ số 01 ngày 30/11/2005, ông Đào Ngọc D đã tách khẩu sang hộ mới từ ngày 01/10/1997 gồm các thành viên là Khương Thị C, con là Đào Ngọc T, Đào Ngọc D1; tại tờ số 07, quyển sổ 01 lập ngày 30/11/2005, ông Đào Ngọc L (chủ hộ, hiện đã chết) và vợ Trần Thị T và con là Đào Thúy H, Đào Ngọc H; tại tờ số 79, quyển sổ số 01 lập ngày 30/11/2005, Đào Thị X đã chuyển khẩu đến hộ ông Mai Sỹ Q, xóm 3, xã Nga T.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, chị H tiếp tục có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản hiện anh T đang quản lý, sử dụng để đảm bảo quyền lợi cho chị theo quy định. Ngày 08/12/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của chị H và anh T theo quy định. Tại buổi làm việc có mặt đầy đủ các bên đương sự. Ý kiến anh T: anh không đồng ý cho bất cứ ai đến làm việc tại thôn 6, xã Nga T như nội dung chị H đề nghị. Vì địa chỉ đó là nhà, đất của bố mẹ anh, hiện tại đang làm nhà thờ. Anh không có nhà, đất. Về tài sản sinh hoạt: anh đồng ý những tài sản như chị H đang đề nghị nhưng tài sản sinh hoạt hiện tại không còn, vì anh không có nhà ở nên đồ đạc hư hỏng, anh đã bán đồng nát được 1.000.000đ. Ý kiến chị H: Chị khẳng định từ tháng 3/2016, sau khi kết hôn cùng anh T, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ thôn 6, xã Nga T trên phần diện tích đất của bố mẹ anh T. Bố mẹ anh T đã chết trước khi chị về làm dâu. Do nhà cửa của bố mẹ anh T xuống cấp, để thuận lợi cho cuộc sống sinh hoạt, chị và anh T đã tu sữa, xây dựng các công trình và mua sắm đồ dùng sinh hoạt như nội dung đơn chị đang đề nghị. Việc anh T cố tình không cho đoàn đến làm việc tại địa chỉ trên đã nhiều lần (Tòa án tỉnh Thanh Hóa là 02 lần và Tòa án huyện Nga Sơn là 02 lần), là vì lý do gì. Chị đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho chị. Ý kiến ông N, bà G đề nghị Tòa giải quyết theo quy định.

Do anh T không thống nhất về địa chỉ như chị H đang yêu cầu giải quyết nên Tòa án lập biên bản làm việc với nội dung đã nêu trên.Ý kiến các thành viên Hội đồng định giá tài sản: Theo đơn yêu cầu của chị H, các tài sản chị đều nêu rõ giá trị từng tài sản vì anh T không đồng ý định giá tài sản nên đoàn không tiếp cận thực tế các tài sản

chung của vợ chồng. Do đó, những tài sản không được nhìn thấy thực tế thì Hội đồng thống nhất không tiến hành định giá. Các thành viên Hội đồng định giá tài sản thống nhất đề nghị Tòa án căn cứ vào đơn yêu cầu của chị H và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tuy nhiên, anh T thống nhất các tài sản sinh hoạt như đơn chị H yêu cầu và nội dung bản tự khai ngày 12/6/2020 anh đã gửi Tòa án nên Hội đồng định giá tiến hành định giá đối với các tài sản sinh hoạt. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau: Hội đồng định giá tài sản căn cứ theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018, xác định giá trị khấu hao từng loại tài sản:

- 01 Bộ bàn ăn (01 bàn tròn, 06 ghế), mua năm 2016; gỗ xoan đào; giá mua 5.500.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 2.026.500đ;

- 01 Tủ quần áo mua năm 2016, gỗ ép công nghiệp 02 cánh; giá mua 1.100.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 421.500đ;

- 01 Bàn làm việc mua năm 2016, gỗ ép; giá mua 900.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 337.500đ;

- 01 Bàn trang điểm, gỗ xoan đào + ghế, mua năm 2016; giá mua 1.500.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 562.500đ;

- 01 Tivi 42ich, nhãn hiệu LG, năm mua 2016; giá mua 7.000.000đ; khấu hao 20%/năm; giá trị còn lại 0đ;

- 01 bộ Loa, đài karaoke, nhãn hiệu Caliponia, năm mua 2016; giá mua 5.000.000đ; khấu hao 20%/năm; giá trị còn lại 0đ;

- 01 bộ bàn ghế tiếp khách; gỗ xăng lẻ, năm mua 2016; giá mua 15.000.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 5.625.000đ;

- 01 tủ gỗ để rượu, năm mua 2016; giá mua 2.000.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 750.000đ;

- 01 đồng hồ gỗ, năm mua 2017; giá mua 5.000.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 1.875.000đ;

- Tivi 32ich, nhãn hiệu LG, năm mua 2018; giá mua 4.500.000đ; khấu hao 20%/năm; giá trị còn lại 1.800.000đ;

- 01 Giường gỗ xoan đào; rộng 1,6m; dài 1,9m; 01 bộ ga, đệm (hãng Havico, Hàn Quốc), năm mua 2018; giá mua 15.000.000đ; khấu hao 12,5%/năm; giá trị còn lại 9.375.000đ.

Tổng giá trị còn lại của các tài sản là: 22.773.000đ (*Hai hai triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng*).

Đối với các công trình xây dựng trên đất, Hội đồng định giá không tiến hành định giá. Đề nghị Tòa án căn cứ vào giá do nguyên đơn đưa ra và các quy định của pháp luật để giải quyết.

* Sau khi có kết quả định giá về tài sản sinh hoạt, ngày 24/12/2020 anh T có đơn đề nghị về việc anh không đồng ý định giá tài sản vì anh không đồng ý ly hôn. Tài sản sinh hoạt anh đã bán sắt vụn được 1.000.000đ; còn 01 ô tô chị H đang quản lý sử dụng. Sau khi nhận được đơn đề nghị của anh T, Tòa án ra Thông báo về việc "không đồng ý thẩm định, định giá tài sản" đối với bị đơn, đồng thời yêu cầu anh T có đề nghị thành lập Hội đồng định giá tài sản lại hay không. Nếu đề nghị, anh phải có đơn đề nghị và nộp chi phí tố tụng theo quy định. Anh T có ý kiến về việc không

đồng ý định giá tài sản vì không đồng ý ly hôn, không có nhà đất, không nợ và vay nợ bất cứ ai. Tòa án không được làm phiền đến anh và yêu cầu Tòa án không được đưa những người không liên quan vào việc hôn nhân của vợ chồng anh.

* Ngày 28/12/2020, chị H có đơn đề nghị về giá trị tài sản xây dựng trên đất như chị đang yêu cầu. Mặc dù, anh T không đồng ý để Tòa án và Hội đồng định giá tiếp cận công trình để xem xét theo quy định. Những tài sản đó là công sức của chị và anh T tạo lập, không liên quan đến thành viên trong gia đình. Ông C đã chết trước khi chị về làm dâu thì không thể nói toàn bộ khuôn viên của gia đình được xây dựng khang trang như vậy. Tuy nhiên, quá trình sử dụng tài sản cũng sẽ có sự hao mòn, chị đồng ý tính giá trị tài sản công trình nhà cũ sửa chữa và xây dựng năm 2016, khấu hao giá trị sử dụng còn lại là 165.000.000đ; công trình xây dựng năm 2018, khấu hao giá trị còn 188.000.000đ.

Ngày 04/01/2021, chị H có đơn đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để tính giá trị khấu hao đối với từng công trình xây dựng năm 2016 và 2018 để đảm bảo quyền lợi cho chị và anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu về hôn nhân, tài sản chung, công nợ như đã trình bày. Bị đơn, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến về việc không đồng ý ly hôn, vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Chị H bỏ nhà đi đâu từ tháng 9/2018, nay anh đồng ý bỏ qua cho chị H để chị trở về đoàn tụ cùng anh; về tài sản chung: không có nhà đất, vì vợ chồng anh ở nhờ đất của bố mẹ; về công nợ anh không đồng ý vì không nợ và vay của ai, còn chị H vay như thế nào anh không liên quan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà G, ông N, người được anh H ủy quyền (ông N) vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc chị H, anh T trả lại cho ông N, bà G, anh H số tiền nợ theo quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hỏa Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đào Ngọc T;

+ Về tài sản: Giao chị H quản lý 01 xe ô tô Hyundai, BKS 36A-280.10, màu sơn đỏ có giá trị 300.000.000đ; Giao anh T quản lý, sử dụng các tài sản gắn liền trên đất mang tên ông Đào Ngọc C, tại thôn 6, xã Nga T và các tài sản là đồ dùng sinh hoạt có tổng giá trị 307.508.000đ.

Anh T phải trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị Hỏa Thị H;

+ Về nợ: Chị H và anh T có trách nhiệm trả nợ cho anh Hỏa Khắc H, ông Hỏa Ngọc N và bà Hồ Thị G với tổng số tiền 550.000.000đ. Chị H và anh T mỗi người phải trả ½ số nợ trên.

+ Về án phí: Chị Hỏa Thị H và anh Đào Ngọc T phải chịu án phí DSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Hỏa Thị H và anh Đào Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.Theo chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T sống không quan tâm đến chị và con riêng của chị, suốt ngày tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, ỷ lại cho chị phải lo kinh tế. Đối với bị đơn anh T trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, anh vẫn yêu thương vợ, đến tháng 9/2018 chị H bỏ đi đâu anh không biết. Chị H tự bỏ đi thì tự về, anh không có nghĩa vụ liên lạc. Anh mong muốn Tòa án khuyên giải để chị H quay về vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Chị H đề nghị ly hôn, anh T muốn đoàn tụ nhưng các bên không có thiện chí để níu kéo hạnh phúc. Hai bên đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Xét cuộc sống chung của chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng chưa có con chung, các đương sự đều không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về đất: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nhưng chị yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản mà chị và anh T xây dựng trên diện đất của bố chồng là ông Đào Ngọc C, tại Thôn 6, xã Nga T theo quy định. Tại các văn bản UBND xã Nga T và UBND huyện Nga Sơn xác định: thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02 BĐ-299TTg xã Nga T, nay thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 15 (BĐ-ĐC xã Nga T) mang tên ông Đào Ngọc C. Xét yêu cầu của nguyên đơn không đề nghị giải quyết về diện tích đất của ông C, bị đơn trình bày vợ chồng không có đất ở. Diện tích đất vợ chồng ở nhờ là của bố mẹ anh để lại, không liên quan đến các thành viên của gia đình nên anh T không yêu cầu đưa các thành viên liên quan vào tham gia tư cách tố tụng trong vụ án. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", không phải là "tranh chấp về thừa kế tài sản". Mặt khác, nguyên đơn không yêu cầu xem xét về diện tích đất của ông Đào Ngọc C nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với diện tích đất tại thửa đất nêu trên.

[4] Xét về tài sản chung:

* Theo nguyên đơn yêu cầu, hiện tại chị H đang quản lý, sử dụng là 01 ô tô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10, màu sơn đỏ, giá trị 480.000.000đ; Anh T đang quản lý, sử dụng, gồm: Công trình sửa chữa năm 2016 và công trình xây mới năm

2018 trên đất của bố mẹ chồng và các tài sản sinh hoạt với tổng giá trị là 462.500.000đ.

* Theo bị đơn yêu cầu: Không đồng ý với nội dung nguyên đơn đề nghị.Công trình xây dựng đó là của bố mẹ anh xây dựng, không liên quan đến các thành viên của gia đình; về tài sản sinh hoạt hiện tại không còn, anh trình bày đã bán sắt vụn được 1.000.000đ; về xe ô tô là tài sản chung do anh vẽ tranh và tiết kiệm được nguồn tiền để mua xe, hiện tại chị H đang quản lý, sử dụng.

Xét các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Đối với tài sản sinh hoạt:

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/5/2020, Hội đồng định giá tài sản định giá: 01 Ôtô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10, màu sơn đỏ, số km sử dụng là 24.971km, số tự động có giá trị tính theo giá thị trường là 300.000.000đ.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 08/12/2020, Hội đồng định giá xác định giá trị khấu hao từng loại tài sản: 01 Bộ bàn ăn (01 bàn tròn, 06 ghế), gỗ xoan đào, giá trị còn lại là: 2.026.500đ; 01 Tủ quần áo, loại gỗ ép công nghiệp, giá trị còn lại 421.500đ; 01 Bàn làm việc, gỗ ép, giá trị còn lại 337.500đ; 01 Bàn trang điểm+ghế, gỗ xoan đào giá trị còn lại 562.500đ; 01 Tivi 42ich, nhãn hiệu LG, giá trị còn lại 0đ; 01 Loa, đài karaoke, nhãn hiệu Caliponia, giá trị còn lại 0đ; 01 bộ bàn ghế tiếp khách, gỗ xăng lẻ; giá trị còn lại 5.625.000đ; 01 tủ để rượu, giá trị còn lại 750.000đ; 01 đồng hồ gỗ, giá trị còn lại 1.875.000đ; Tivi 32ich, nhãn hiệu LG, giá trị còn lại 1.800.000đ; 01 Giường gỗ xoan đào; rộng 1,6m, dài 1,9m; 01 bộ ga, đệm (hãng Havico, Hàn Quốc), giá trị còn lại 9.375.000đ. Tổng giá trị là: 22.773.000đ (*Hai hai triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng*).

* Đối với tài sản sửa chữa và xây dựng vào năm 2016 và năm 2018: Theo nguyên đơn yêu cầu, hiện tại đang tồn tại trên diện tích đất của ông Đào Ngọc C.

Xét thời điểm năm 2016, chị H kết hôn cùng anh T thì chị H chưa chuyển khẩu về xã Nga T nhưng chị và anh T cùng sinh sống tại địa chỉ thôn 6, xã Nga T. Tuy nhiên, anh T cho rằng vợ chồng sau khi kết hôn ở nhiều nơi, lúc ở nhà ông bà ngoại, lúc thì ở nhờ tại nhà bố mẹ anh nên nhà, đất là do bố mẹ anh tạo lập, vợ chồng anh không xây dựng hay sửa chữa gì. Chị H không đồng ý với ý kiến anh T bởi trước thời điểm chị H và anh T kết hôn mẹ chồng chị đã chết khoảng năm 2004, còn bố chồng chị là ông C chết năm 2010 không thể để lại cho anh T 01 cơ ngơi khang trang như vậy. Chị đã cung cấp toàn bộ ảnh chụp khuôn viên nhà ở và những hóa đơn mua vật liệu xây dựng, hóa đơn mua hàng để chứng minh yêu cầu. Tuy nhiên, những tài sản chị H yêu cầu giải quyết anh không đồng ý và cố tình không cho Tòa án cùng thành viên Hội đồng định giá tiếp cận tài sản. Để chứng minh yêu cầu của anh là có cơ sở nhưng anh không xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh được thời gian hình thành nên khối tài sản chung đang tồn tại trên đất như chị H đang đề nghị.Tòa án yêu cầu anh T cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan, anh T chỉ đưa ra ý kiến chung chung, không có tài liệu chứng cứ kèm theo.

Đối với ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà G trình bày đã tham gia giúp vợ chồng anh T trong thời gian xây dựng, sửa chữa công trình năm 2016 và 2018 tại địa chỉ như chị H đang đề nghị; những người làm chứng đều trình

bày về việc mua bán vật liệu của chị H và ông N tại các cửa hàng và chở vật liệu đến nhà anh T tại thôn 6, xã Nga T.

Theo quy định tại Điều 6 và 91 của Bộ luật tố tụng dân sự việc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh là của các đương sự. Hết thời hạn yêu cầu của Tòa án, đương sự nào không cung cấp giấy tờ, tài liệu để chứng minh đối với ý kiến trình bày của mình là có căn cứ thì phải chịu hậu quả do pháp luật quy định.

Từ các đánh giá nêu trên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, văn bản của UBND xã Nga T đủ cơ sở xác định yêu cầu của chị H về các tài sản xây dựng và sửa chữa trên diện tích đất của ông C là có căn cứ xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, về giá trị tài sản như nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không hợp tác, thành viên Hội đồng định giá không định giá đối với các loại tài sản xây dựng, sửa chữa, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính quy định: "…*Trường hợp chỉ có một đương sự đưa ra giá tài sản còn đương sự khác không đưa ra giá đối với tài sản đang tranh chấp thì Tòa án xác định giá tài sản theo mức giá của bên đương sự đã đưa ra*". Trên cơ sở giá trị tài sản nguyên đơn đề nghị và ý kiến thành viên Hội đồng định giá tài sản đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để tính khấu hao từng loại tài sản chị H đang yêu cầu. Để có căn cứ pháp lý về tính khấu hao giá trị tài sản, Tòa án đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nga Sơn cung cấp các quy định của pháp luật trong việc tính khấu hao đối với giá trị tài sản. Tại văn bản số 311/TCKH, ngày 25/12/2020 của Phòng tài chính- kế hoạch huyện Nga Sơn: căn cứ vào Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ tài chính về quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định (phụ lục số 01); Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản, khấu hao tài sản. Do vậy, giá trị tài sản chị H đề nghị, giá trị khấu hao tài sản đối với từng loại công trình được Tòa án xem xét theo các quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, cụ thể:

- Năm 2016:

+ Sửa chữa, cải tạo nhà cũ, gồm: Đục tường, trát tường mới, sơn tường mới toàn bộ khu nhà mái bằng: dài 6m, rộng 4m, cao 3,5m; Nhà ngói 3gian: dài 8m, rộng 4m, cao 3,5m; Đóng trần tôn phòng ngủ 15m^2: dài 3,95m; rộng 4,8m; Đóng trần tôn phòng ăn 19m^2: dài 3,95m, rộng 4,8m; Tổng chi phí sửa chữa mua vật liệu, gồm: (cát, xi măng, tôn, sơn, dụng cụ) là 40.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 6,67% x 40.000.000đ=2.668.000đ; 05 năm là 13.340.000đ.Giá trị còn lại là: 26.660.000đ;

+ Tôn ngõ cao hơn nền cũ là 110cm, dài 8m, rộng 2,5m; nền lát gạch đỏ 40x40 (Hạ Long); Tổng chi phí sửa chữa mua vật liệu, gồm: gạch đỏ Hạ Long, xi măng, đất nền, dụng cụ là 10.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x10.000.000đ= 1.000.000đ; 05 năm là 5.000.000đ.Giá trị còn lại là: 5.00.000đ;

+ Làm cửa cổng sắt 2 cánh: rộng 2,5m, cao 2,8m; cửa sắt nhà mái bằng 2 bộ: rộng 3,3m x cao 2,15 m; Tổng chi phí là 15.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x15.000.000đ= 1.500.000đ; 05 năm là 7.500.000đ.Giá trị còn lại là: 7.500.000đ;

+ Xây bể hòn non bộ: sâu 1,5m, dài 3,5m, rộng 1,8m; Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: sắt, xi măng, đá, gạch đỏ xây, đá tảng là 6.680.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 5% x 6.680.000đ= 334.000đ; 05 năm là 1.670.000đ.Giá trị còn lại là: 5.010.000đ;

+ Xây bể nước mưa: cao 1,5m, dài 2m, rộng 1,6m; Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: sắt, xi măng, gạch đỏ,ống cút PVC là 5.700.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 5% x 5.700.000đ= 285.000đ; 05 năm là 1.425.000đ.Giá trị còn lại là: 4.275.000đ;

+ Làm cửa nhôm kính: 4 cái, cao 2m, rộng 80cm; Tổng chi phí là 8.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x 8.000.000đ= 800.000đ; 05 năm là 4.000.000đ.Giá trị còn lại là: 4.000.000đ;

+ Xây Tường: cao 3,5m, dài 17m; lan can sắt.Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: gạch đỏ, xi măng, cát, ống sắt là 14.620.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x 14.620.000đ=1.462.000đ; 05 năm là 7.310.000đ.Giá trị còn lại là: 7.310.000đ;

+ Tôn sân + lát gạch đỏ: dài 20m, rộng 12m, cao hơn so với nền cũ 90cm; Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: gạch đỏ Hạ Long 40 x40, đất nền, xi măng, cát là 40.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 5% x 40.000.000đ=2.000.000đ; 05 năm là 10.000.000đ.Giá trị còn lại là: 30.000.000đ;

+ Kè ao: dài 23m, rộng 15m, sâu 3m; Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: cát, xi măng, gạch xỉ, cọc, thuê máy xúc là 20.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 5% x 20.000.000đ=1.000.000đ; 05 năm là 5.000.000đ.Giá trị còn lại là: 15.000.000đ;

+ Nhà tắm + thiết bị: Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: gạch, xi măng, cát, tôn, gạch lát, gạch ốp, bồn cầu, vòi, chậu, gương, dụng cụ là 25.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x 25.000.000đ= 2.500.000đ; 05 năm là 12.500.000đ.Giá trị còn lại là: 12.500.000đ;

+ Nhà bếp + thiết bị: Tổng chi phí mua vật liệu, gồm: gạch, xi măng, cát, tôn, gạch lát, gạch ốp, vòi, chậu rửa, đồ dùng nhà bếp, dụng cụ là 15.000.000đ; giá trị hao mòn 01 năm là 10% x 15.000.000đ= 1.500.000đ; 05 năm là 7.500.000đ.Giá trị còn lại là: 7.500.000đ;

- Năm 2018:

Xây mới 01 nhà ngói 5 gian: dài 15,6m, rộng 6,4m, cao 5,8m; Tổng chi phí là 211.570.000đ, chị H yêu cầu giải quyết là 200.000.000đ. Giá trị hao mòn 01 năm là 6,67% x 200.000.000đ= 13.340.000đ; 03 năm là 40.020.000đ.Giá trị còn lại là: 159.980.000đ;

Tổng giá trị các tài sản sau khi khấu hao còn lại giá trị là 284.735.000đ.

[5] Về giá trị tài sản chung:

Xét thực tế các tài sản trên, chị H đang quản lý 01 xe ô tô, mang tên anh Đào Ngọc T nhưng giấy tờ chuyển tiền tại thời điểm mua xe là chị H chuyển khoản và số tiền thanh toán còn lại là anh T. Về tài sản sinh hoạt hai bên đều thừa nhận từng loại tài sản, không thống nhất về năm mua, giá trị mua. Mặc dù anh T trình bày tài sản không còn, anh đã bán 1.000.000đ. Về tài sản trên đất: Theo UBND xã Nga T thì tài sản trên đất khi ông C còn sống đã xây dựng 01 nhà mái bằng hướng Nam; 02 nhà cấp 4. Quá trình gia đình sửa chữa, chỉnh trang lại địa phương không biết được thông tin. Theo chị H cung cấp thông tin và tài liệu thì nhà mái bằng, nhà cấp 4 đã tôn tạo và 01 nhà ngói 05 gian xây mới cùng một số công trình như chị H yêu cầu là hoàn toàn thực

tế. Việc anh T không đồng ý về tài sản xây dựng trên đất và không đồng ý để Tòa án tiến hành xem xét có căn cứ hay không, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng của Tòa án là vi phạm nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 3 của BLTTDS. Như vậy, căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, đủ cơ sở khẳng định về tài sản chung chị H đang yêu cầu giá trị khấu hao tài sản còn lại là *607.508.000đ (Sáu trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng)*.

[6] Phân chia tài sản chung cho các đương sự:

* Giao chị H quyền quản lý, sử dụng là 01 xe ô tô Hyundai i101.2 At, BKS 36A 28010, màu sơn đỏ, mang tên anh Đào Ngọc T; giá trị 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Chị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chuyển đổi sang tên giấy tờ xe ô tô cho phù hợp quy định.

* Giao anh T quyền quản lý, sử dụng các tài sản, gồm:

- Tài sản sinh hoạt: 01 Bộ bàn ăn (01 bàn tròn, 06 ghế), gỗ xoan đào giá trị 2.026.500đ; 01 Tủ quần áo, gỗ ép giá trị 421.500đ; 01 Bàn làm việc, gỗ ép giá trị 337.500đ; 01 Bàn trang điểm + ghế gỗ xoan đào giá trị 562.500đ; 01 Tivi 42ich, nhãn hiệu LG, đã hết khấu hao không còn giá trị; 01 bộ Loa, đài karaoke, nhãn hiệu Caliponia, giá trị 0đ; 01 bộ bàn ghế tiếp khách, gỗ xăng lẻ; giá trị 5.625.000đ; 01 tủ để rượu, giá trị 750.000đ; 01 đồng hồ gỗ dổi, giá trị 1.875.000đ; Tivi 32ich, nhãn hiệu LG, giá trị 1.800.000đ; 01 Giường gỗ xoan đào; 01 bộ ga, đệm (hãng Havico, Hàn Quốc), giá trị 9.375.000đ.Tổng giá trị các tài sản là 22.773.000đ;

- Các công trình cải tạo, sửa chữa và xây dựng trên diện tích đất của ông Đào Ngọc C, tại thửa đất số 184, tờ bản đồ số 15 (BĐ-ĐC xã Nga T năm 2003), địa chỉ thôn 6, xã Nga T, gồm: tường nhà mái bằng, hướng Bắc: dài 6m, rộng 4m, cao 3,5m; tường nhà ngói 3gian, hướng Bắc: dài 8m, rộng 4m, cao 3,5m; Trần tôn phòng ngủ 15m^2: dài 3,95m; rộng 4,8m; trần tôn phòng ăn 19m^2: dài 3,95m, rộng 4,8m; giá trị 26.660.000đ; ngõ: dài 8m, rộng 2,5m; nền lát gạch đỏ 40x40 (Hạ Long); giá trị 5.00.000đ. Cửa cổng sắt 2 cánh: rộng 2,5m, cao 2,8m; cửa sắt nhà mái bằng 2 bộ: rộng 3,3m x cao 2,15 m; giá trị 7.500.000đ; Bể hòn non bộ: sâu 1,5m, dài 3,5m, rộng 1,8m; giá trị 5.010.000đ. Bể nước mưa: cao 1,5m, dài 2m, rộng 1,6m; giá trị 4.275.000đ; Cửa nhựa nhôm kính: 4 cái, cao 2m, rộng 80cm, giá trị 4.000.000đ; Tường hướng Đông cao 3,5m, dài 17m; lan can sắt, giá trị 7.310.000đ; Sân lát gạch đỏ: dài 20m, rộng 12m, giá trị 30.000.000đ; Kè ao 3 mặt: dài 23m, rộng 15m, sâu 3m; giá trị 15.000.000đ; Nhà tắm + thiết bị: giá trị 12.500.000đ; Nhà bếp + thiết bị: giá trị 7.500.000đ; 01 nhà ngói 5 gian năm 2018: dài 15,6m, rộng 6,4m, cao 5,8m; giá trị 159.980.000đ. Tổng giá trị tài sản là 284.735.000đ.

Tổng giá trị tài sản anh T quản lý và sử dụng là 307.508.000đ (*Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*).

* Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của chị H, anh T là 607.508.000đ. Chị H, anh T mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung là 303.754.000đ ,

Anh T được nhận giá trị về tài sản nhiều hơn chị H là 7.508.000đ. Vì vậy, anh T phải trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 3.754.000đ.

[7] Về nợ:

* Theo chị H trình bày: vợ chồng nợ anh Hỏa Khắc H: Từ năm 2016 đến tháng 8/2018 tổng số tiền là 408.082.533đ, nhưng anh H yêu cầu vợ chồng chị trả nợ 400.000.000đ; Nợ của ông Hỏa Ngọc N và bà Hồ Thị G là 150.000.000đ để thanh toán tiền mua vật liệu xây nhà ngói 05 gian.Tổng nợ chung là 550.000.000đ, chị đề nghị vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ chung theo quy định.

* Theo anh T trình bày: anh không nợ ai và không vay của ai, việc chị H vay nợ những người trên anh không liên quan nên anh không đồng ý chịu trách nhiệm chung.

Xét các tài sản chung như nguyên đơn đang yêu cầu là có căn cứ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T. Tuy anh T không thừa nhận tài sản chung được xây dựng trên đất và cũng không liên quan đến việc vay nợ như chị H yêu cầu. Những tài liệu chứng minh liên quan đến vay nợ của anh H và ông N, bà G mà chị H đưa ra anh T không thừa nhận, anh T cho rằng việc mua ô tô là do nguồn tiền anh tích góp vẽ tranh nhưng anh không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Quá trình vay nợ để mua vật liệu xây dựng và đồ dùng sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống gia đình thì chị H và anh T đều có quyền và nghĩa vụ để thực hiện giao dịch. Xét việc vay tiền anh H chuyển vào tài khoản của chị H để mua xe ô tô và chi trả cho việc mua sắm tài sản và nợ ông N, bà G trả tiền vật liệu cho việc xây dựng nhà năm 2018 thì thời điểm vay tiền, hôn nhân giữa anh T và chị H đang tồn tại, chưa phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù quá trình vay tiền và mua sắm tài sản trong gia đình đều do chị H thực hiện. Tuy nhiên, về nghĩa vụ anh T cũng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, tổng số nợ chung 550.000.000đ là có căn cứ chấp nhận xem xét.Buộc chị H và anh T mỗi người đều chịu trách nhiệm trả ½ số nợ chung, cụ thể:

- Nợ anh H 400.000.000đ, chia theo phần chị H trả nợ 200.000.000đ; anh T trả nợ 200.000.000đ.

- Nợ ông N, bà G: 150.000.000đ, chia theo phần: chị H trả nợ 75.000.000đ; anh T trả nợ 75.000.000đ;

[8] Giá trị về tài sản chung là 607.508.000đ, nợ chung là 550.000.000đ. Như vậy, sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ 3 thì giá trị tài sản chung của vợ chồng còn lại là 57.508.000đ. Chị H và anh T mỗi người được hưởng lợi về giá trị tài sản chung là 28.754.000đ (*Hai tám triệu bảy trăm năm tư nghìn đồng*)

[9] Về án phí:

Chị Hỏa Thị H phải chịu án phí DSST về ly hôn; án phí DSST đối với giá trị tài sản chung (28.754.000đ x 5%); án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ (275.000.000đ x 5%) theo quy định;

Anh Đào Ngọc T phải chịu án phí DSST đối với giá trị tài sản chung (28.754.000đ x 5%); án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ (275.000.000đ x 5%) theo quy định;

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị Hạnh tự nguyện chịu chi phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 27; Điều 30; Điều 37; Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hỏa Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đào Ngọc T.

2. Về tài sản:

* Giao chị H quyền quản lý, sử dụng là 01 xe ô tô Hyundai i101.2 At, BKS 36A-280.10, màu sơn đỏ, mang tên anh Đào Ngọc T; giá trị 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Chị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển đổi giấy tờ xe ô tô cho phù hợp quy định.

* Giao anh T quyền quản lý, sử dụng các tài sản, gồm:

- Tài sản sinh hoạt: 01 Bộ bàn ăn (01 bàn tròn, 06 ghế), gỗ xoan đào giá trị 2.026.500đ; 01 Tủ quần áo gỗ ép, giá trị 421.500đ; 01 Bàn làm việc, gỗ ép giá trị 337.500đ; 01 Bàn trang điểm+ ghế gỗ xoan đào giá trị 562.500đ; 01 Tivi 42ich, nhãn hiệu LG, đã hết khấu hao không còn giá trị; 01 bộ Loa, đài karaoke, nhãn hiệu Caliponia, giá trị 0đ; 01 bộ bàn ghế tiếp khách, gỗ xăng lẻ; giá trị 5.625.000đ; 01 tủ để rượu, giá trị 750.000đ; 01 đồng hồ gỗ dổi, giá trị 1.875.000đ; 01 Tivi 32ich, nhãn hiệu LG, giá trị 1.800.000đ; 01 Giường gỗ xoan đào; 01 bộ ga, đệm (hãng Havico, Hàn Quốc), giá trị 9.375.000đ.Tổng giá trị các tài sản là 22.773.000đ;

- Các công trình cải tạo, sửa chữa và xây dựng trên diện tích đất của ông Đào Ngọc C, tại thửa đất số 184, tờ bản đồ số 15 (BĐ-ĐC xã Nga T năm 2003), địa chỉ thôn 6, xã Nga T, gồm: tường nhà mái bằng diện tích dài 6m, rộng 4m, cao 3,5m; tường nhà ngói 3gian, hướng Bắc: dài 8m, rộng 4m, cao 3,5m; trần tôn phòng ngủ 15m^2: dài 3,95m; rộng 4,8m; trần tôn phòng ăn 19m^2: dài 3,95m, rộng 4,8m; giá trị 26.660.000đ; Ngõ dài 8m, rộng 2,5m; nền lát gạch đỏ 40x40 (Hạ Long); giá trị 5.00.000đ; Cửa cổng sắt 2 cánh: rộng 2,5m, cao 2,8m; cửa sắt nhà mái bằng 2 bộ: rộng 3,3m x cao 2,15 m; giá trị 7.500.000đ; Bể hòn non bộ: sâu 1,5m, dài 3,5m, rộng 1,8m; giá trị 5.010.000đ; Bể nước mưa: cao 1,5m, dài 2m, rộng 1,6m; giá trị 4.275.000đ; Cửa nhựa nhôm kính: 4 cái, cao 2m, rộng 80cm; giá trị 4.000.000đ; Tường xây, hướng Đông cao 3,5m, dài 17m; lan can sắt; giá trị 7.310.000đ; Sân lát gạch đỏ: dài 20m, rộng 12m; giá trị 30.000.000đ; Kè ao 3 mặt: dài 23m, rộng 15m, sâu 3m; giá trị 15.000.000đ; Nhà tắm + thiết bị: giá trị 12.500.000đ. Nhà bếp + thiết bị: giá trị 7.500.000đ; 01 nhà ngói 5 gian xây dựng năm 2018: dài 15,6m, rộng 6,4m, cao 5,8m; giá trị 159.980.000đ. Tổng giá trị tài sản là 284.735.000đ.

Tổng giá trị tài sản anh T quản lý và sử dụng là 307.508.000đ (*Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*).

* Anh T phải trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 3.754.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm tư nghìn đồng)*.

3. Về nợ:

Buộc chị H có trách nhiệm trả cho anh Hỏa Khắc H số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và trả cho ông N, bà G 75.000.000đ (*Bảy lăm triệu đồng*).

Buộc anh T trả cho anh Hỏa Khắc H số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và trả cho ông N, bà G 75.000.000đ (*Bảy lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Hỏa Thị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); án phí DSST đối với giá trị tài sản chung là 1.437.000đ; án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ 13.750.000đ; Tổng cộng là 15.487.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm tám bảy nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 11.725.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005040 ngày 02/4/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị H còn phải nộp 3.762.000đ (*Ba triệu bảy trăm sáu hai nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Anh Đào Ngọc T phải chịu án phí DSST đối với giá trị tài sản chung là 1.437.000đ; án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ 13.750.000đ; Tổng cộng là 15.187.000đ (*Mười lăm triệu một trăm tám bảy nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga P (xã Nga N cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ